

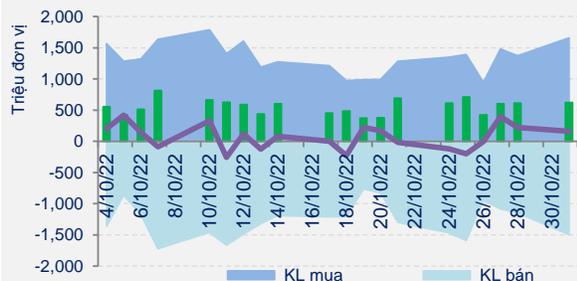
# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 31/10/2022

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,027.94	210.43
% Thay đổi	↑ 0.06%	↓ -1.54%
KLGD (CP)	620,461,442	55,277,902
GTGD (tỷ đồng)	11,414.14	810.09
Tổng cung (CP)	1,496,302,661	77,757,000
Tổng cầu (CP)	1,658,978,753	71,480,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	48,816,665	221,809
KL mua (CP)	55,716,765	304,271
GT mua (tỷ đồng)	1,308.10	6.50
GT bán (tỷ đồng)	1,079.40	7.23
GT ròng (tỷ đồng)	228.70	(0.73)

## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



## CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường kết phiên với mức tăng rất nhẹ trong phiên hôm nay sau khi đã giao dịch với sắc đỏ trong gần như toàn bộ thời gian. Thanh khoản phiên hôm nay cũng được cải thiện và cao hơn mức trung bình của 20 phiên gần nhất.

Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 0,58 điểm (+0,06%) lên 1.027,94 điểm, HNX-Index giảm 3,3 điểm (-1,54%) xuống 210,43 điểm.

Sau phiên bán ròng mạnh vào thứ 6 tuần trước, khối ngoại đã quay đầu mua ròng trở lại trong phiên hôm nay, với giá trị ròng đạt 230,1 tỷ đồng trên sàn HOSE. FUEVFL là mã chứng khoán được mua ròng mạnh nhất với giá trị ròng đạt 266 tỷ đồng. Tiếp theo là KDH và MSN với lần lượt 104,7 tỷ đồng và 66,5 tỷ đồng. Chiều ngược lại, HPG bị bán ròng mạnh nhất trong phiên hôm nay với giá trị ròng đạt 316,6 tỷ đồng.

Lực cầu bắt đáy gia tăng từ nửa cuối phiên giao dịch chiều đã khiến cho nhiều cổ phiếu có sự đảo chiều hồi phục từ sắc đỏ lên sắc xanh để giúp cho chỉ số chung VN-Index kết phiên trong sắc xanh nhẹ.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc VN30 (-0,26%) có sự phân hóa mạnh với 13 mã tăng và 13 mã giảm, 4 mã đứng giá. Nhóm tăng có thể kể đến như VRE (+3,8%), VCB (+2,7%), SSI (+2,5%), CTG (+2,3%), BID (+2,2%)... Đây là những trụ cột chính của thị trường. Chiều ngược lại, HPG (-6,8%) giảm sàn và NVL (-3,4%), MWG (-3%), PDR (-2%)... là những mã kéo giảm chỉ số.

Cổ phiếu ngân hàng duy trì được sắc xanh khá tốt. Ngoài những cổ phiếu kể trên có thể kể đến như MBB (+0,3%), TCB (+0,8%), LPB (+4%), SHB (+4,1%), ACB (+0,4%)...

Cổ phiếu chứng khoán cũng khá tích cực với sắc xanh chiếm đa số như SSI (+2,5%), VCI (+5,2%), VIX (+4%), MBS (+3,1%)...; thậm chí HCM (+6,8%) kết phiên trong sắc tím.

Nhóm cổ phiếu thép có diễn biến tệ nhất trong phiên hôm nay do chịu sự ảnh hưởng từ kết quả kinh doanh quý 3/2022 tiêu cực, có thể kể đến các mã HSG (-6,9%), NKG (-6,9%), VGS (-9,3%), SMC (-6,9%)...

Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 11/2022 phân kỳ so với chỉ số cơ sở VN30 khi tăng trong phiên hôm nay, qua đó thu hẹp mức chênh lệch xuống còn -2,84 điểm. Điều này cho thấy là phe short trong các phiên trước đó đã phần nào cover lại vị thế trong phiên hôm nay, cũng như việc các trader đang dần bớt tiêu cực hơn về xu hướng của thị trường ở thời điểm hiện tại.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 31/10/2022

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-INDEX



Thị trường hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay với diễn biến giảm mạnh trong phần lớn thời gian giao dịch. Lực cầu bắt đáy mạnh dần lên trong nửa cuối phiên chiều đã giúp cho chỉ số hồi phục và thanh khoản trong phiên hôm nay cũng vượt qua mức trung bình 20 phiên gần nhất. Bên cạnh đó, mẫu hình nến kết phiên là dạng doji chuẩn chuẩn (dragonfly doji) cũng thể hiện điều này.

Với phiên hồi phục đầu tuần này thì VN-INDEX tiếp tục kết phiên trên ngưỡng tâm lý 1.000 điểm và đây sẽ tiếp tục là ngưỡng hỗ trợ của thị trường trong thời gian tới. Việc VN-INDEX vẫn đang nằm trên ngưỡng tâm lý 1000 sẽ có tác động tích cực đến tâm lý nhà đầu tư trong giai đoạn khó khăn của thị trường.

Xét trên góc nhìn trung hạn, chỉ số VN-INDEX vẫn đang trong xu hướng giảm sau khi đánh mất ngưỡng 1.120 điểm (tương ứng với cạnh dưới của kênh giá sideways down trước đó trong phiên 3/10). Với bức tranh kỹ thuật kể trên, VN-INDEX vẫn có khả năng tiếp tục xu hướng giảm trong thời gian tới với mục tiêu quanh ngưỡng 950 điểm nếu đo chuẩn theo kênh giá sideways down như trên hình. Tuy nhiên, với việc test thành công ngưỡng 962 điểm trong phiên 25/10 và sự hồi phục tốt sau đó thì khả năng về việc hoàn thành sớm mẫu hình là có thể xảy ra.

Ở góc nhìn ngắn hạn hơn, chỉ báo động lượng RSI (14) đã nằm trên vùng quá bán trong ba phiên liên tiếp. Rõ ràng là tín hiệu phân kỳ dương giữa VN-INDEX và RSI (14) xuất hiện trong các phiên trước đó đã có tác động tích cực đến sự hồi phục của thị trường. Chúng tôi kỳ vọng, trong phiên giao dịch tiếp theo, lực cầu sẽ mạnh lên có thể giúp VN-INDEX thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.050 điểm.

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường, VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh kiểm tra lại vùng hỗ trợ tâm lý quanh 1.000 điểm và phục hồi vào phiên chiều khi áp lực bán T+2 giảm ở nhiều mã. Kết phiên VN-INDEX tăng nhẹ lên mức 1.027,94 điểm với khối lượng giao dịch cải thiện tăng so với phiên trước. Độ rộng thị trường vẫn thiên về tiêu cực khi nhiều mã vẫn chịu áp lực bán mạnh. Điểm tích cực là thị trường dần phân hóa mạnh trong từng nhóm ngành khi nhiều mã có tín hiệu 02 đáy ngắn hạn và phục hồi khá tốt, thu hút lực cầu gia tăng

VN-INDEX tạo vùng đáy ngắn hạn 960-1.000 điểm, kết thúc giai đoạn giảm giá mạnh ngắn hạn kéo dài từ cuối tháng 08/2022 khi bắt đầu áp dụng chu kỳ thanh toán T+2. Ngắn hạn VN-INDEX hình thành trend\_line tăng điểm nổi 02 đáy thấp nhất 962,45 điểm ngày 25/10/2022 và 1.005 điểm ngày 31/10/2022, với vùng hỗ trợ tương ứng quanh 1.020 điểm. VN-INDEX cần giữ được vùng hỗ trợ 1.020 điểm thì kỳ vọng tâm lý ngắn hạn sẽ cải thiện, dần hết bi quan để có thể tiếp tục phục hồi kiểm tra lại các vùng kháng cự tiếp theo tương ứng 1.035-1.040 điểm.

Nhà đầu tư duy trì tỷ trọng hợp lý. Có thể xem xét, lên lại danh mục theo dõi đầu tư. Ưu tiên các mã cơ bản tốt, tỉ trọng tiền mặt cao, trong các nhóm ngành như khu công nghiệp, cảng biển, năng lượng..., các mã ít chịu ảnh hưởng từ diễn biến của tình hình trái phiếu doanh nghiệp hiện nay. Quý nhà đầu tư có thể tham khảo danh mục cổ phiếu khuyến nghị của chúng tôi để có quyết định hợp lý.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 31/10/2022

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DGC	76.90	63-68	88-92	57	5.8	96.3%	455.2%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	40.40	38-40	62-64	34	7.5	-49.0%	-32.6%	Theo dõi chờ giải ngân
VCI	26.20	23-25	32-33	21	7.5	18.8%	-26.7%	Theo dõi chờ giải ngân
NLG	22.80	25-28	33-35	22	11.0	209.6%	135.4%	Theo dõi chờ giải ngân
BMP	61.00	57-60	66-68	52	13.8	7.1%	247.2%	Theo dõi chờ giải ngân
PLC	19.80	18-20.5	30-32	17	14.3	18.2%	-48.7%	Theo dõi chờ giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
10/10/2022	TNG	15.80	15.20	21-22	15	3.95%	Nắm giữ



TIN VÍ MÔ

**Nghệ An có thêm 2 dự án FDI 275 triệu đô**

Ban thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An đã thông qua chủ trương đầu tư 2 dự án FDI tại KCN VSIP Nghệ An và KCN WHA Industrial Zone Nghệ An. Tổng mức đầu tư của 2 dự án hơn 275 triệu USD.

**5 địa phương bị nhắc tên trong báo cáo Thủ tướng về thất thoát, lãng phí**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) vừa báo cáo Thủ tướng về việc giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2021. Qua kiểm tra, cơ quan quản lý phát hiện hàng trăm dự án có thất thoát, lãng phí; cùng với đó là các vi phạm quy định về thủ tục đầu tư, quản lý chất lượng.

**Điểm danh những dự án gánh nặng, phá vỡ mục tiêu phát triển kinh tế**

Nhiều dự án trọng điểm trở thành gánh nặng, phá vỡ mục tiêu phát triển kinh tế, và có những con số khó tin ở tổng thể nhiều dự án qua giám sát...

**Báo cáo giám sát của Quốc hội: Hàng nghìn dự án gây thất thoát, lãng phí, 1086 dự án phải xử lý hình sự**

Hàng nghìn dự án chậm tiến độ và có xu hướng tăng lên qua các năm, trong đó hầu hết là các dự án quan trọng quốc gia, các dự án trọng điểm đều chậm tiến độ.

**10 tháng năm 2022: Việt Nam thu hút hơn 22,46 tỷ USD vốn FDI**

Trong 10 tháng năm 2022, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài (FDI) đạt hơn 22,46 tỷ USD.

**10 tháng năm 2022: Cả nước xuất siêu 9,4 tỷ USD**

10 tháng năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 616,24 tỷ USD, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó xuất khẩu tăng 15,9%; nhập khẩu tăng 12,2%. Cả nước xuất siêu 9,4 tỷ USD.



## TIN DOANH NGHIỆP

**Một người bị khởi tố và tạm giam, một người vừa từ nhiệm, HĐQT của FLC Faros chỉ còn lại Chủ tịch**

Ngoài ra, thành viên Ban Kiểm soát cuối cùng là ông Tùng cũng xin từ nhiệm, đồng nghĩa với việc Ban Kiểm soát của FLC Faros không còn ai.

**Kỳ lân VNG lỗ gần 800 tỷ đồng trong 9 tháng, trải qua chuỗi 4 quý lỗ liên tiếp**

Lũy kế 9 tháng 2022, VNG lỗ 764 tỷ đồng, áp sát mục tiêu lỗ 993 tỷ đồng trong năm nay. Công ty tiếp tục gánh lỗ lớn từ các công ty liên kết và Zion, đơn vị vận hành ví điện tử Zalo Pay.

**Bamboo Airways ước lỗ hơn 3.500 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2022**

Hiện tại, ông Nguyễn Ngọc Trọng là Chủ tịch HĐQT và ông Dương Công Minh là Cố vấn cao cấp HĐQT của Bamboo Airways. Đầu tháng 10, chi nhánh Bamboo Airways tại TP.HCM chuyển văn phòng từ tòa nhà của FLC qua tầng 4 tòa nhà Nova College.

**Cuộc chiến thịt heo: Heo ăn chay – Heo ăn chuỗi “cân sức cân tài”, Masan MEATLife và Dabaco “đuổi” về biên lợi nhuận gộp**

Trên thị trường thịt thương hiệu, doanh thu công ty của Masan Group vẫn vượt trội so với 2 thương hiệu mới nổi khác là "Heo ăn chuỗi" của Hoàng Anh Gia Lai và "Heo ăn chay" của BAF nhưng biên lợi nhuận gộp thấp hơn hẳn.

**Cập nhật BCTC quý 3 ngày 31/10: Một doanh nghiệp bất động sản tăng lãi gần 18 lần, loạt doanh nghiệp hàng không đã công bố**

Vietjet (VJC) lãi trước thuế 44 tỷ đồng trong quý 3, giảm 57% so với cùng kỳ nhưng lũy kế 9 tháng, lợi nhuận vẫn tăng trưởng 15%.

Bamboo Airways ước tính lỗ 1.447 tỷ đồng trong quý 3, lũy kế 9 tháng lỗ 3.537 tỷ đồng.

Cotana Group (CSC) lợi nhuận quý 3 tăng gần 18 lần lên 186 tỷ đồng, lũy kế 9 tháng tăng gần 27 lần.

**Vietjet Air báo lãi quý thứ 3 liên tiếp, doanh thu phụ trợ tăng vọt trở thành nguồn thu chính**

Vietjet Air thu hơn 4.100 tỷ đồng từ mảng phụ trợ, cao hơn cả doanh thu vận chuyển hành khách nội địa và chiếm 35% tổng doanh thu quý 3/2022.

**Bất chấp doanh thu giảm một nửa, “Heo ăn chay” BAF lãi gấp 3 lần, mỗi ngày “bò tui” hơn 1,75 tỷ lợi nhuận trong quý 3/2022**

Giải trình về kết quả trên, BAF cho biết 9 tháng qua, sản lượng và doanh thu tăng do cơ cấu đàn dần đi vào ổn định, các trại mới đã đi vào vận hành. Cùng với đó, giá heo hơi trung bình quý 3 tăng 21% so với năm trước, tác động làm chỉ số kinh doanh tăng.

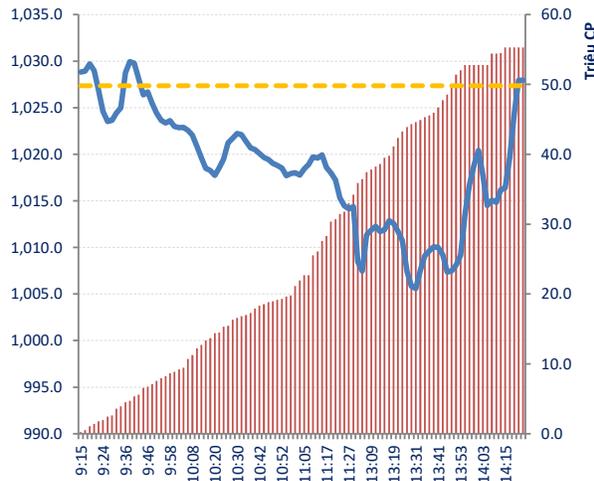
**9 tháng, Vingroup đạt lợi nhuận sau thuế 1.571 tỷ đồng**

Tại ngày 30/9/2022, tổng tài sản Vingroup đạt 555.571 tỷ đồng, tăng 30% so với 31/12/2021, chủ yếu nhờ mở bán thành công các dự án bất động sản mới.

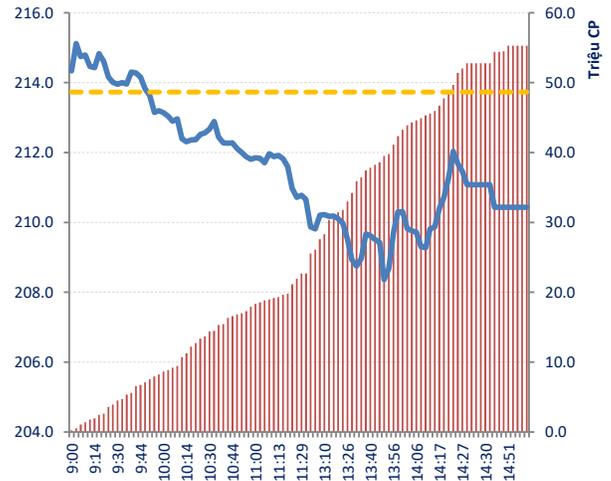


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

#### KLGD và VN-Index trong phiên



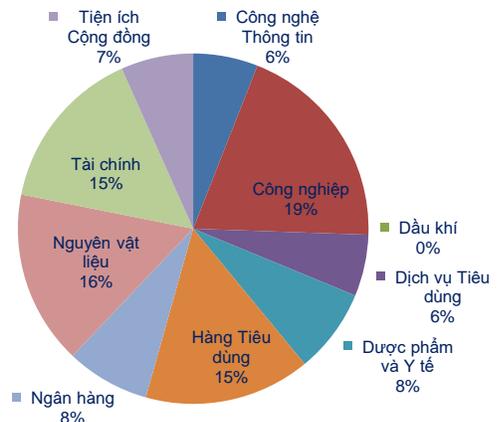
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



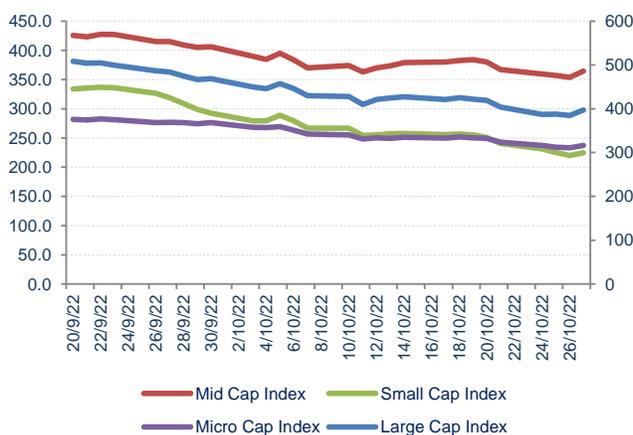
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



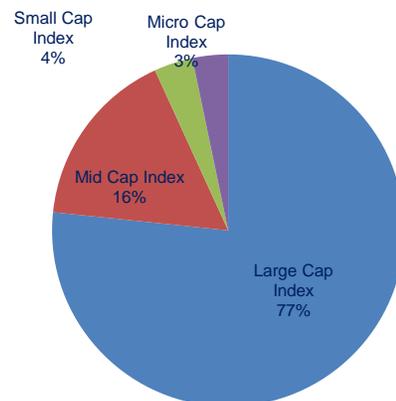
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUESSVFL	20,531,000	HPG	20,190,200	1	PVS	96,900	IDC	80,300
2	KDH	4,711,100	KBC	1,672,000	2	NDX	27,300	THD	21,609
3	PVD	1,644,100	VCI	626,100	3	PVI	23,700	TNG	10,100
4	POW	1,189,500	VIC	516,500	4	SD5	11,200	NRC	10,000
5	VND	911,200	HDB	434,400	5	IVS	10,000	SHS	3,000

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	16.80	15.65	↓ -6.85%	66,353,200	SHS	7.70	7.70	→ 0.00%	12,029,087
VND	11.70	11.50	↓ -1.71%	26,738,200	CEO	12.70	13.50	↑ 6.30%	8,038,131
HSG	12.25	11.40	↓ -6.94%	21,410,300	PVS	22.10	21.40	↓ -3.17%	5,728,004
SSI	15.90	16.30	↑ 2.52%	21,301,900	IDC	44.00	44.20	↑ 0.45%	4,052,046
FUESSVFL	13.09	13.11	↑ 0.15%	20,633,000	TNG	15.70	15.80	↑ 0.64%	1,852,608

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PDN	108.20	115.70	7.50	↑ 6.93%	BXH	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
STG	36.90	39.45	2.55	↑ 6.91%	NDX	5.20	5.70	0.50	↑ 9.62%
CKG	26.10	27.90	1.80	↑ 6.90%	PIC	14.60	16.00	1.40	↑ 9.59%
PIT	3.95	4.22	0.27	↑ 6.84%	VSM	17.90	19.60	1.70	↑ 9.50%
TNI	2.80	2.99	0.19	↑ 6.79%	DTC	7.40	8.10	0.70	↑ 9.46%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TCD	7.00	6.51	-0.49	↓ -7.00%	NBP	16.50	13.60	-2.90	↓ -17.58%
PC1	19.31	17.96	-1.35	↓ -6.98%	VHL	17.00	15.30	-1.70	↓ -10.00%
ST8	7.89	7.34	-0.55	↓ -6.97%	L40	18.00	16.20	-1.80	↓ -10.00%
SCD	17.95	16.70	-1.25	↓ -6.96%	PSD	20.00	18.00	-2.00	↓ -10.00%
TNA	8.20	7.63	-0.57	↓ -6.95%	POT	28.10	25.30	-2.80	↓ -9.96%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	66,353,200	32.1%	5,164	3.3	0.8
VND	26,738,200	12.3%	345	33.9	1.0
HSG	21,410,300	18.3%	3,500	3.5	0.5
SSI	21,301,900	22.4%	2,554	6.2	1.1
FUESSVFL	20,633,000	N/A	N/A	N/A	N/A

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	12,029,087	25.5%	1,117	6.9	0.7
CEO	8,038,131	7.2%	969	13.1	0.9
PVS	5,728,004	4.1%	1,106	20.0	0.8
IDC	4,052,046	34.0%	5,604	7.9	2.2
TNG	1,852,608	19.2%	2,958	5.3	0.9

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PDN	↑ 6.9%	29.4%	12,100	8.9	2.4
STG	↑ 6.9%	12.1%	2,366	15.6	1.8
CKG	↑ 6.9%	17.5%	1,999	13.1	1.9
PIT	↑ 6.8%	-3.5%	(290)	-	0.5
TNI	↑ 6.8%	-2.5%	(270)	-	0.3

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BXH	↑ 10.0%	2.9%	525	19.1	0.5
NDX	↑ 9.6%	4.3%	556	9.3	0.4
PIC	↑ 9.6%	13.0%	1,478	9.9	1.3
VSM	↑ 9.5%	21.5%	4,525	4.0	0.8
DTC	↑ 9.5%	-0.6%	(60)	-	0.7

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	20,531,000	N/A	N/A	N/A	N/A
KDH	4,711,100	12.8%	1,937	11.9	1.3
PVD	1,644,100	0.0%	1	14,750.1	0.7
POW	1,189,500	4.9%	668	15.5	0.8
VND	911,200	12.3%	345	33.9	1.0

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	96,900	4.1%	1,106	20.0	0.8
NDX	27,300	4.3%	556	9.3	0.4
PVI	23,700	3.8%	1,304	30.9	1.2
SD5	11,200	4.5%	829	10.1	0.5
IVS	10,000	5.0%	504	11.7	0.6

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	338,848	21.7%	5,271	13.6	2.8
VIC	212,436	-0.3%	(121)	-	1.6
GAS	208,621	23.6%	6,738	16.2	3.4
VHM	195,511	23.5%	7,265	6.2	1.4
BID	170,978	14.6%	2,569	13.2	1.8

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
KSF	22,650	6.6%	1,356	55.7	3.4
THD	14,770	13.1%	2,295	18.4	2.5
IDC	14,520	34.0%	5,604	7.9	2.2
BAB	11,469	7.9%	907	15.5	1.2
PVS	10,563	4.1%	1,106	20.0	0.8

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CIG	2.61	8.4%	455	9.6	0.8
SJF	2.50	1.0%	105	38.8	0.4
PET	2.47	9.2%	2,027	11.8	1.1
TSC	2.44	0.4%	46	81.7	0.3
BCG	2.41	7.9%	1,924	4.1	0.3

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	3.27	7.5%	685	9.6	0.8
L14	2.95	26.4%	5,178	7.4	2.8
CEO	2.86	7.2%	969	13.1	0.9
APS	2.75	62.2%	9,839	0.8	0.6
HDA	2.52	7.9%	1,371	5.8	0.6

**THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT**

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	351.48	32.1%	5,164	3.3	0.8
VIC	22.56	-0.3%	(121)	-	1.6
NVL	22.38	7.6%	1,655	43.8	3.2
VCI	18.97	18.0%	1,592	15.6	1.6
MBB	14.81	25.4%	3,876	4.6	1.1

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDH	-108.92	12.8%	1,937	11.9	1.3
TDM	-68.40	14.9%	2,831	11.2	1.6
MSN	-65.57	24.9%	6,735	12.5	3.4
VNM	-62.37	26.8%	4,534	17.2	4.4
DGC	-43.78	67.9%	15,720	4.9	2.7

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	9.49	12.3%	345	33.9	1.0
HPG	5.08	32.1%	5,164	3.3	0.8
HDG	1.59	25.1%	5,709	5.1	1.0
DGC	1.33	67.9%	15,720	4.9	2.7
SMB	1.21	37.3%	7,202	5.6	2.1

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGW	-2.98	42.9%	4,845	12.8	2.7
VHC	-2.91	32.5%	12,291	5.8	1.7
GEX	-2.66	3.5%	857	14.9	0.5
PAN	-2.05	5.4%	1,862	9.8	0.6
FRT	-0.94	35.3%	5,014	16.4	5.2

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TDM	68.21	14.9%	2,831	11.2	1.6
KBC	28.27	1.6%	351	50.8	0.8
FPT	23.56	22.8%	4,799	15.6	3.4
VCB	21.10	21.7%	5,271	13.6	2.8
CTG	19.94	15.1%	3,057	7.9	1.1

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	-266.86	N/A	N/A	N/A	N/A
HPG	-34.94	32.1%	5,164	3.3	0.8
MBB	-14.39	25.4%	3,876	4.6	1.1
MSB	-11.95	19.2%	2,312	5.3	0.9
VPI	-11.73	18.0%	2,461	23.9	3.6

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	265.95	N/A	N/A	N/A	N/A
KDH	101.28	12.8%	1,937	11.9	1.3
MSN	66.61	24.9%	6,735	12.5	3.4
VNM	45.85	26.8%	4,534	17.2	4.4
DGC	40.78	67.9%	15,720	4.9	2.7

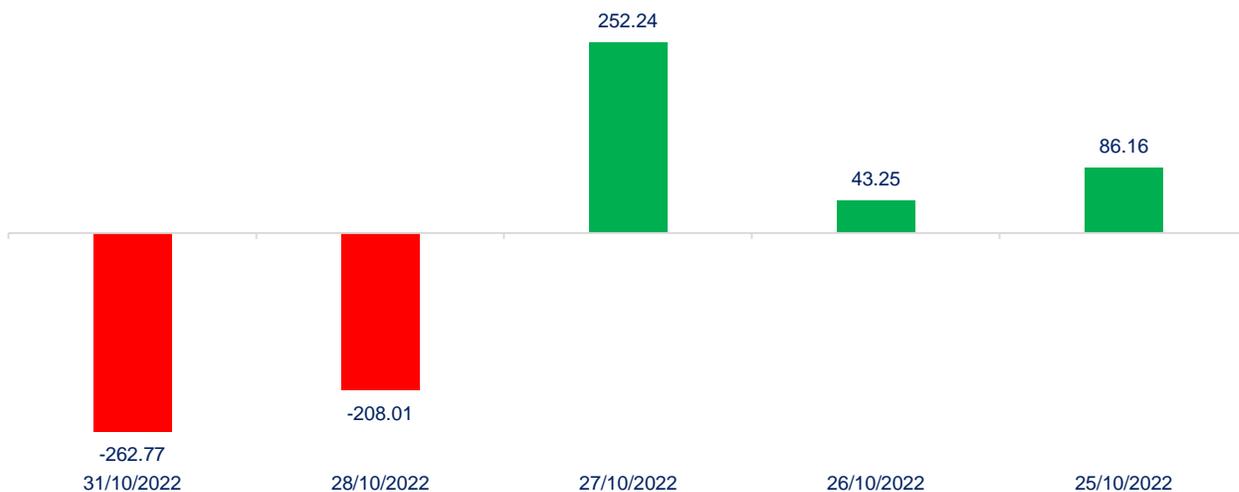
**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-321.62	32.1%	5,164	3.3	0.8
VIC	-28.31	-0.3%	(121)	-	1.6
KBC	-28.05	1.6%	351	50.8	0.8
NVL	-22.38	7.6%	1,655	43.8	3.2
DPM	-17.99	49.0%	15,543	2.9	1.3



THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

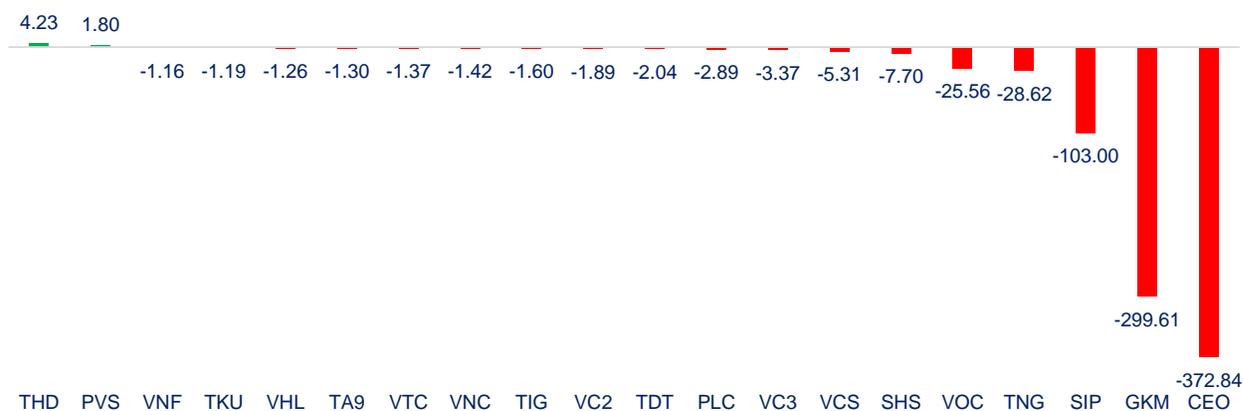
Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HNX và UPCOM (triệu đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)